TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2018/DS-ST
Ngày: 23/4/2018.
"V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Kiều Oanh.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Văn Lâm.**

2. Ông **Lý Thanh Phong**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Tô Văn Thừa** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Triệu Thị Mộng Lý** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2017/TLST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán vật liệu xây dựng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trương Thanh T** (có mặt).

Địa chỉ: Số 1, đường 3, ấp Cầu Đ, thị trấn H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*: Ông **Phan Văn P** (có mặt).

Địa chỉ: Số 1, đường Lê Thánh T, ấp Nội , thị trấn H, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc Trăng (Theo văn bản ủy quyền ngày 26/7/2017).

2. Bị đơn: Ông **Hồ Hoàng N** (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 1, ấp M, xã Hưng P, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 7 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Trương Thanh T trình bày:

Vào ngày 08/7/2015 âm lịch, ông Hồ Hoàng N có gọi điện thoại đến cửa hàng vật liệu xây dựng của ông T hỏi giá tiền vật tư và kêu ông T chở vô nhà ông N các vật liệu xây dựng bao gồm: Xi măng, sắt, cát, đá, dây kẽm, tổng số tiền 17.565.000 đồng, cụ thể là:

- Hóa đơn bán lẻ 01:

+ Sắt 06: 56kg x 15.000 = 840.000 đồng;

+ Sắt 08: 49kg x 15.000 = 735.000 đồng;

+ Sắt 12: 10 cây x 140.000 = 1.400.000 đồng;

+ Sắt 14: 10 cây x 190.000 = 1.900.000 đồng;

+ Sắt 16: 09 cây x 235.000 = 2.115.000 đồng;

+ Sắt 18: 05 cây x 292.000 = 1.460.000 đồng;

+ Sắt 20: 02 cây x 360.000 = 720.000 đồng;

+ Cát: 04 khối x 150.000 = 600.000 đồng;

+ Đá 1/2 đen: 1,5 khối x 390.000 = 585.000 đồng;

+ Đá 1/2 trắng: 1,5 khối x 440.000 = 660.000 đồng;

+ Kẽm: 10kg x 19.000 = 190.000 đồng;

+ Xi măng HS: 25 bao x 92.000 = 2.300.000 đồng.

- Hóa đơn bán lẻ 02:

+ Sắt 8: 50kg x 15.000 = 750.000 đồng;

+ Đá 1/2 đen: 03 khối x 390.000 = 1.170.000 đồng;

+ Cát 8: khối x 150.000 = 1.200.000 đồng;

+ Sắt 16: 4 cây x 235.000 = 940.000 đồng.

Ông T có đưa hóa đơn bán lẻ nêu trên cho ông N ký nhận trong hóa đơn và ông N nói báo lên cấp trên để trả tiền cho ông T, sau đó khoảng 02 ngày ông T vô gặp ông N để nhận tiền thì ông N nói "thầu đã trốn mất rồi", ông T đề nghị ông N trả lại vật tư nhưng ông N không đồng ý và ngăn cản không cho lấy, ông sử dụng hết vật tư nêu trên nhưng cho đến nay không chịu trả tiền cho ông T.

Ông Trương Thanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Hồ Hoàng N phải có trách nhiệm trả cho ông số tiền mua vật tư xây dựng là 17.565.000 đồng (Mười bảy triệu, năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05 tháng 10 năm 2017 bị đơn ông Hồ Hoàng N trình bày:

Ông N và ông T không có quen biết, ông N không có gọi điện thoại cho ông T để mua vật liệu xây dựng, theo 02 hóa đơn mà ông T cung cấp cho Tòa án thì ông N không có mua, hóa đơn ghi tên Trạm điện không phải tên của ông N. Phiếu Trạm điện Vietco phía dưới có ghi *"tại đây có nhận thực tế số lượng trên"* có chữ ký và tên Hồ Hoàng N, là ông N xác nhận ông T có đỗ vật liệu xây dựng tại nhà ông N, ông T bán vật liệu xây dựng cho Trạm điện không phải bán cho ông N. Ông N biết là tên Út nhưng không rõ họ tên và địa chỉ, là người làm công cho Trạm điện mua các vật liệu xây dựng của ông T. Ông N cũng là người làm công cho Trạm điện, Trạm điện còn thiếu 09 ngày công bằng 1.800.000 đồng chưa trả cho ông N, ông T và Công ty Bà Rịa - Vũng Tàu có nhờ chính quyền xã Hưng P giải quyết, ông N có chứng kiến Công ty không cho ông T chở vật liệu xây dựng. Ông N không đồng ý trả số tiền mà ông T khởi kiện, Công ty mua thì ông T yêu cầu Công ty trả.

Đối với bị đơn ông Hồ Hoàng N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ bị đơn lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mà bị đơn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản không tiến hành hòa giải được và thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn ông Hồ Hoàng N đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng

theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn ông Hồ Hoàng N chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Thanh T đòi bị đơn ông Hồ Hoàng N trả số tiền mua vật liệu xây dựng là 17.565.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn ông Hồ Hoàng N đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng ông N vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Hồ Hoàng N.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn ông T về việc yêu cầu bị đơn ông N trả số tiền mua vật liệu xây dựng là 17.565.000 đồng. Ông N không thừa nhận là ông mua vật liệu xây dựng của ông T, mà ông N biết được ông T có chở vật liệu xây dựng giao cho thầu mà ông N đang làm công và ông T có nhờ ông N nhận dùm, ông N có ghi nhận cho thầu, Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa ông T và ông N không có quen biết và ông T cũng không có số điện thoại của ông N nhưng do người điện thoại vào ngày 08/7/2015 nói tên N nên ông T khẳng định là ông N mua vật liệu xây dựng của ông T. Ông T bán vật liệu xây dựng cho ông N nhưng ông T không ghi hóa đơn bán lẻ tên ông N mà ghi hóa hơn bán lẻ họ tên người mua hàng ghi là Trạm điện. Ông N mua vật liệu xây dựng để sử dụng việc gì thì ông T không biết, khi ông T đến đòi thì ông N nói để báo lại cho cấp trên ông N cũng thể hiện cho thấy ông N không phải là người trực tiếp mua vật liệu xây dựng, nên ông N nhận thay và báo lên cấp trên. Ông T cho rằng: Sau khi ông N không trả tiền ông T và ông N có đến xã Hưng Phú trình bày nói ông N mua vật tư không trả tiền, ông H là Phó trưởng Công an xã Hưng Phú có chỉ đạo không cho chở vật liệu xây dựng về. Còn lời khai của ông Nguyễn Đắc H. Tại thời điểm năm 2015 ông H được tăng cường về làm Phó trưởng

Công an xã Hưng P. Vào năm 2015 ông T và ông N có đến xã Hưng P trình bày nói ông N mua vật tư không trả tiền, còn ông N trình bày ông T đỗ vật liệu xây dựng cho trụ Viễn thông Viettell không phải ông N mua, sau đó ông H giải thích đây là tranh chấp dân sự nếu không thỏa thuận được thì khởi kiện ra Tòa án, chứ ông H không có chỉ đạo không cho ông T chở vật liệu xây dựng về. Tại thời điểm này nhà ông N không có xây dựng công trình cho cá nhân ông N.

Thực tế qua thu thập chứng cứ của Tổng Công ty mạng lưới Viettell - Chi nhánh Tập đoàn Viễn thông Quân đội cung cấp: Phía sau nhà ông N có xây dựng trạm Viettell là do Tổng Công ty mạng lưới Viettell - Chi nhánh Tập đoàn Viễn thông Quân đội trực tiếp hợp đồng thi công với Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng công trình Nam Long chứ không phải do ông N thi công. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh ông N là người trực tiếp mua vật liệu xây dựng của ông. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu ông N trả tiền mua vật liệu xây dựng là chưa có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Thanh T về việc yêu cầu ông N trả số tiền mua vật liệu xây dựng là 17.565.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nguyên đơn ông Trương Thanh T phải chịu 878.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Hồ Hoàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Thanh T về việc yêu cầu bị đơn ông Hồ Hoàng N trả tiền mua vật liệu xây dựng là 17.565.000 đồng (Mười bảy triệu, năm trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Trương Thanh T phải chịu 878.250 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 439.125 đồng, theo biên lai thu số 0004428 ngày 26/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy ông T còn phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm là 439.125 đồng.

Bị đơn ông Hồ Hoàng N không phải án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông Hồ Hoàng N thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đào Thị Kiều Oanh

Nơi nhận
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Mỹ Tú;*
- *Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;*
- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*